TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Cường

2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình,tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Tạ Thị Th tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2019:*

Hôn nhân: Bà Th và ông T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào 03/8/2011. Quá

trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông T.

Con chung: Bà Th và ông T có 01 người con chung là Nguyễn Chí N, sinh ngày 28/12/2005 (giới tính nam), hiện do ông T đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà Th tự nguyện cho ông T tiếp tục nuôi dạy con chung, bà Th không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên các yêu cầu của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Tạ Thị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; ông T có nơi cư trú tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho ông T nhưng ông T không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà Th và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lí do, bà Th xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th, ông T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Th và ông T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Th cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà Th không thể tiếp tục chung sống với ông T nên bà Th yêu cầu

ly hôn với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống bà Th xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà Th và ông T không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà Th và ông T có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông T vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Th và ông T được ly hôn là phù hợp.

[4].Về con chung: Bà Th và ông T có 01 người con chung là Nguyễn Chí N, sinh ngày 28/12/2005 (giới tính nam), hiện đang do ông T nuôi dạy. quá trình giải quyết vụ án, bà Th tự nguyện để cho ông T nuôi dạy con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn Chí N là nam, từ trước đến nay chung sống ổn định với ông T, cháu có nguyện vọng sống với cha, quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung của bà Th nên cần chấp nhận để cho ông T tiếp tục nuôi dạy con chung, bà Th không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, bà Th không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Th xác định vợ chồng không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 24/7/2019 của UBND xã TL xác nhận bà Th và ông T không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Tạ Thị Th và ông Nguyễn Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Th về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2.1. Về hôn nhân: Bà Tạ Thị Th và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 28/12/2005 (giới tính nam) cho ông T tiếp tục nuôi dạy. Bà Th không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 25 tháng 7 năm 2019 bà Th có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010574 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TL;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh